KẾT QUẢ KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12
VÒNG 1 NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TOÁN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
1	T080	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	20/10/2002	Chu Văn An	17
2	T001	CAO THÚY AN	15/11/2004	Hà Nội- Amsterdam	16.25
3	T116	TẠ ĐỨC MINH	2/12/2003	Hà Nội- Amsterdam	16
4	T150	PHẠM PHƯƠNG THẢO	22-08-2002	Sóc Sơn	16
5	T259	NGUYỄN TRẦN TỈNH	04/01/2002	Nguyễn Huệ	16
6	T284	NGUYỄN TIẾN CÔNG	15/08/2002	Sơn Tây	16
7	T286	NGUYỄN NHO DŨNG	15/10/2003	Sơn Tây	16
8	T016	NGUYỄN QUỐC ANH	8/12/2003	Hà Nội- Amsterdam	15.75
9	T323	NGUYỄN HOÀNG THANH	21/08/2002	Sơn Tây	15.75
10	T102	NGUYỄN HOÀNG LONG	23/12/2003	Chu Văn An	15.5
11	T097	NGUYỄN QUANG LINH	13/7/2002	Cổ Loa	15.5
12	T067	PHẠM VIỆT HOÀNG	10/02/2003	Chu Văn An	15.5
13	T216	VŨ NAM KHÁNH	16/11/2003	Nguyễn Huệ	15.5
14	T282	NGUYỄN NGỌC ÁNH	11/11/2002	Quảng Oai	15.5
15	T202	NGUYỄN CHÍ HIẾU	17/7/2002	Đồng Quan	15.5
16	T140	NGUYỄN NHẬT QUANG	14/1/2002	Hà Nội- Amsterdam	15.25
17	T026	ĐỖ HOÀNG QUỐC BẢO	11/1/2004	Hà Nội- Amsterdam	15.25
18	T018	PHAN QUANG ANH	12/11/2003	Hà Nội- Amsterdam	15.25
19	T107	PHAN ĐỨC MẠNH	18/1/2003	Hà Nội- Amsterdam	15
20	T179	NGUYỄN THỊ MAI ANH	24/6/2002	Thanh Oai B	15
21	T257	NGUYỄN XUÂN TIẾN	15/10/2002	Nguyễn Huệ	15
22	T264	NGUYỄN PHÚ TRIỆU	24/11/2002	Mỹ Đức C	15
23	T266	HOÀNG ĐỨC TRUNG	29/08/2002	Nguyễn Huệ	15
24	T242	TRẦN MINH QUANG	12/01/2002	Nguyễn Huệ	15
25	T124	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGA	18/01/2002	Chu Văn An	15
26	T256	NGUYỄN THU THỦY	12/06/2002	Mỹ Đức A	15
27	T045	LÃ TRIỀU DƯƠNG	6/3/2003	Hà Nội- Amsterdam	14.75
28	T006	ĐINH ĐĂNG VIỆT ANH	15/10/2002	Vinschool	14.75
29	T040	VŨ TRỌNG ĐỨC	27/6/2003	Hà Nội- Amsterdam	14.75
30	T138	TRẦN MINH QUÂN	30/11/2002	Chu Văn An	14.5
31	T300	NGÔ THỊ THU HUYỀN	04/3/2002	Thạch Thất	14.5
32	T246	PHÍ ĐÌNH THĂNG	11/12/2002	Hoài Đức A	14.5
33	T326	PHẠM VIỆT TIẾN	13/01/2002	Sơn Tây	14.5
34	T292	PHẠM THỊ HẰNG	03/06/2002	Bất Bạt	14.5
35	T222	PHẠM KHÁNH LINH	03/9/2002	Nguyễn Du - T.O	14.5
36	T307	LÊ MINH	02/12/2003	Sơn Tây	14.5

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
37	T192	NGUYỄN MINH ĐỨC	27/06/2003	Nguyễn Huệ	14.5
38	T087	VŨ NGỌC KHÁNH	19/10/2002	Quang Trung - ĐĐ	14.25
39	T077	NGUYỄN KHẮC HUY	1/6/2002	Hà Nội- Amsterdam	14.25
40	T217	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	13/1/2002	Đồng Quan	14.25
41	T153	ĐẶNG MINH TIẾN	05/12/2002	Xuân Đỉnh	14
42	T163	VŨ QUỐC TRUNG	3/5/2002	Hà Nội- Amsterdam	14
43	T094	NGUYỄN HOÀNG LIÊN	16/10/2002	Cao Bá Quát - GL	14
44	T033	CHU MẠNH ĐẠT	26/07/2002	Nguyễn Tất Thành	14
45	T049	NGUYỄN KHÁNH DUY	25/11/2003	Chu Văn An	14
46	T017	NGUYỄN TUẤN ANH	23/3/2002	Yên Lãng	14
47	T172	PHẠM QUANG TÙNG	06/06/2003	Chu Văn An	14
48	T320	NGUYỄN HỮU HOÀNG SƠN	11/12/2002	Đan Phượng	14
49	T321	NGUYỄN THANH TÂM	09/06/2002	Sơn Tây	14
50	T208	NGUYỄN THỌ HÙNG	19/07/2003	Nguyễn Huệ	14
51	T220	NGUYỄN ĐỨC DUY LINH	24/11/2002	Nguyễn Du - T.O	14
52	T084	ĐÀO VŨ MINH KHÁNH	20/10/2003	Chu Văn An	13.75
53	T265	NGUYỄN THỊ TRÚC	5/11/2002	Vân Tảo	13.75
54	T233	ĐINH CHUNG NGUYÊN	26/11/2002	Phú Xuyên A	13.75
55	T281	BÙI THỊ NGỌC ANH	16/04/2002	Quảng Oai	13.75
56	T042	HOÀNG ANH DŨNG	8/10/2002	Hà Nội- Amsterdam	13.5
57	T011	NGUYỄN ĐỨC ANH	23/12/2003	Hà Nội- Amsterdam	13.5
58	T108	ĐỖ ĐỨC MINH	2/1/2003	Hà Nội- Amsterdam	13.5
59	T132	NGUYỄN CẨM NHUNG	19/03/2002	Cao Bá Quát - GL	13.5
60	T206	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	24/12/2003	Nguyễn Huệ	13.5
61	T186	TRẦN THỊ MINH CHÚC	8/5/2002	Hoài Đức A	13.5
62	T211	HOÀNG QUANG HUY	28/11/2002	Mỹ Đức A	13.5
63	T213	NGUYỄN TUYẾT THƯƠNG HUY	09/08/2002	Mỹ Đức B	13.5
64	T215	NGÔ QUỐC KHÁNH	19/10/2002	Tô Hiệu - T.Tín	13.5
65	T118	ĐỖ HẢI NAM	06/04/2002	Chu Văn An	13
66	T007	ĐỖ DUY ANH	29/9/2002	Thăng Long	13
67	T009	NGÔ VIỆT ANH	04/10/2002	Ngọc Hồi	13
68	T081	PHẠM THANH HUYỀN	02/08/2002	Xuân Giang	13
69	T130	HOÀNG THANH NHI	04/12/2002	Nguyễn Thị Minh Khai	13
70	T137	TRẦN ĐÌNH QUÂN	23/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	13
71	T178A	TRƯƠNG TÚ ANH	8/6/2002	Dương Xá	13
72	T319	KHUẤT NGỌC SƠN	20/11/2002	Ngọc Tảo	13
73	T325	NGUYỄN MINH THƯƠNG	30/3/2002	Ngô Quyền-BV	13
74	T302	PHÙNG ĐỨC KIÊN	26/08/2002	Bất Bạt	13
75	T191	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	14/07/2002	Chúc Động	13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
76	T127	TRƯƠNG GIA NGỌC	25/04/2003	Chu Văn An	13
77	T248	NGÔ VĂN MINH THẮNG	10/09/2002	Nguyễn Huệ	13
78	T243	PHAN THỊ QUỲNH	05/02/2002	Phú Xuyên A	12.75
79	T100	VŨ NAM TRANG LINH	11/5/2002	Hà Nội- Amsterdam	12.5
80	T025	NGUYỄN HỮU CHÍ BÁCH	9/1/2003	Hà Nội- Amsterdam	12.5
81	T028	DƯƠNG VĂN CHIẾN	8/3/2002	Vân Nội	12.5
82	T032	HOÀNG MINH ĐẠO	23/10/2002	Chu Văn An	12.5
83	T074	ĐÀO LÊ HUY	25/7/2002	Việt Đức	12.5
84	T079	NGUYỄN XUÂN HUY	23/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	12.5
85	T196	TẠ ĐỨC DUY	07/03/2003	Nguyễn Huệ	12.5
86	T271	NGUYỄN BÁ TUẤN	25/06/2002	Trần Đăng Ninh	12.5
87	T224	HOÀNG HẢI LONG	13/12/2003	Nguyễn Huệ	12.5
88	T184	LÊ QUỲNH CHI	26/11/2002	Nguyễn Huệ	12.5
89	T187	NGUYỄN THỊ CƯỜNG	19/9/2002	Thường Tín	12.5
90	T273	LÊ TUẤN TÙNG	14/08/2003	Nguyễn Huệ	12.5
91	T214	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	28/04/2002	Mỹ Đức B	12.5
92	T230	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	02/05/2002	Phú xuyên A	12.5
93	T308	LÊ NGỌC MINH	04/07/2002	Sơn Tây	12.5
94	T112	NGUYỄN BẢO MINH	6/4/2003	Hà Nội- Amsterdam	12.5
95	T251	ĐÀO THỊ THANH	06/7/2002	Cao Bá Quát-Q.O	12.5
96	T204	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	07/11/2002	Trần Đăng Ninh	12.5
97	T089	ĐỖ BÁCH KHOA	24/10/2003	Hà Nội- Amsterdam	12.25
98	T020	PHÙNG NAM ANH	17/5/2003	Hà Nội- Amsterdam	12.25
99	T199	TRẦN MẠNH HÂN	19/03/2002	Nguyễn Huệ	12.25
100	T114	NGUYỄN TUẤN MINH	13/8/2003	Hà Nội- Amsterdam	12
101	T119	NGUYỄN HẢI NAM	5/9/2002	Yên Hòa	12
102	T099	PHẠM KHÁNH LINH	27/03/2002	Chu Văn An	12
103	T034	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	05/04/2002	Chu Văn An	12
104	T152	HOÀNG THỊ MINH THU	5/8/2002	Hà Nội- Amsterdam	12
105	T073	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	09/10/2002	Bắc Thăng Long	12
106	T198	PHÙNG THỊ NGÂN HÀ	31/07/2002	Nguyễn Huệ	12
107	T177	NGÔ TUẤN ANH	09/12/2003	Nguyễn Huệ	12
108	T268	ĐÀO HUY TRƯỜNG	23/12/2002	Lê Quý Đôn - HĐ	12
109	T209	NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	30/09/2003	Nguyễn Huệ	12
110	T183	TRỊNH ĐĂNG CẢNH	06/01/2002	Chương Mỹ A	12
111	T250	CHU THỊ HÀ THANH	28/10/2003	Nguyễn Huệ	12
112	T296	TRẦN THỊ ĐĂNG HUẾ	07/08/2002	Sơn Tây	12
113	T226	ĐÀO VĂN MINH	01/01/2002	Phú Xuyên B	12
114	T280	PHÙNG VĂN AN	15/7/2002	Ngô Quyền-BV	12

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
115	T068	PHẠM VIỆT HOÀNG	14/08/2002	Nguyễn Thị Minh Khai	12
116	T148	PHẠM THANH TÂM	06/3/2002	Thăng Long	12
117	T069	NGUYỄN THU HUỆ	25/01/2002	Đa Phúc	11.75
118	T019	PHÙNG NAM ANH	11/02/2003	Chu Văn An	11.75
119	T053	NGUYỄN NHƯ GIÁP	17/6/2004	Hà Nội- Amsterdam	11.75
120	T149	NGUYỄN NGỌC AN THÁI	09/09/2002	Kim Liên	11.75
121	T128	BÀNH HÀ NGUYÊN	05-05-2002	Sóc Sơn	11.75
122	T255	VŨ MINH THÚY	5/9/2002	Ứng Hòa B	11.75
123	T010	NGUYỄN ĐỨC ANH	29/5/2002	Cổ Loa	11.5
124	T055	NGUYỄN NHẬT HÀ	07/01/2002	Lương Thế Vinh	11.5
125	T058	NGÔ THỊ HẰNG	29/10/2002	Liên Hà	11.5
126	T075	ĐỖ HOÀNG GIA HUY	31/7/2003	Hà Nội- Amsterdam	11.5
127	T171	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	16/10/2003	Hà Nội- Amsterdam	11.5
128	T176	DƯƠNG THỊ NGỌC YẾN	8/1/2002	Vân Nội	11.5
129	T147	NGUYỄN ĐẮC TÂM	30/9/2003	Hà Nội- Amsterdam	11.5
130	T193	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	17/4/2002	Thanh Oai B	11.5
131	T258	TRẦN QUANG TIẾN	15/7/2002	Ứng Hòa A	11.5
132	T272	BÙI DANH TÙNG	20/08/2002	Quốc Oai	11.5
133	T317	BÙI TRẦN PHƯƠNG	17/5/2002	Ngô Quyền-BV	11.5
134	T225	ĐỖ ĐỨC MẠNH	24/09/2003	Nguyễn Huệ	11.5
135	T314	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	01/02/2002	Phùng Khắc Khoan - TT	11.5
136	T315	NGUYỄN BÍCH NGỌC	17/04/2002	Tùng Thiện	11.5
137	T111	LÊ HUY MINH	02/11/2003	Chu Văn An	11.5
138	T164	NGUYỄN NGỌC TÚ	15/10/2003	Hà Nội- Amsterdam	11.25
139	T133	NGUYỄN HÀ PHONG	20/01/2002	Nguyễn Gia Thiều	11.25
140	T135	PHẠM NGỌC PHÚ	07/07/2002	Phan Đình Phùng	11.25
141	T229	PHÙNG VĂN NAM	22/08/2002	Minh Khai	11.25
142	T044	TRẦN MINH DŨNG	15/5/2002	Hà Nội- Amsterdam	11
143	T062	VŨ MINH HIẾU	24/11/2002	Hoàng Văn Thụ	11
144	T078	NGUYỄN VĂN HUY	16/01/2002	Yên Viên	11
145	T322	TRẦN MỸ TÂM	30/5/2002	Quảng Oai	11
146	T223	NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	14/11/2002	Nguyễn Huệ	11
147	T297	PHẠM PHÚC HƯNG	08/11/2003	Sơn Tây	11
148	T275	ĐẶNG CÔNG VĂN	14/6/2002	Trần Hưng Đạo-HĐ	11
149	T298	HOÀNG TUẤN HUY	07/03/2002	Vân Cốc	11
150	T228	NGUYỄN NHẬT MINH	24/8/2002	Thanh Oai A	11
151	T234	NGUYỄN TRUNG NGUYÊN	06/09/2002	Chương Mỹ A	11
152	T306	PHẠM LỘC	11/04/2003	Sơn Tây	11
153	T327	LƯƠNG KHÁNH TOÀN	05/12/2002	Sơn Tây	11

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
154	T285	PHAN NGỌC DIỆP	20/9/2002	Phùng Khắc Khoan - TT	11
155	T205	TẠ VĂN HOAN	19/07/2002	Quốc Oai	11
156	T161	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	05/10/2002	Mê Linh	10.75
157	T088	LÊ KHÁNH KHIÊM	23/03/2002	Kim liên	10.75
158	T031	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	18/03/2002	Chu Văn An	10.75
159	T036	NGUYỄN KHOA ĐOÀN	14/05/2002	Phan Đình Phùng	10.75
160	T175	ĐÀO HẢI YẾN	18/09/2002	Nguyễn Văn Cừ	10.75
161	T070	ĐINH VIỆT HÙNG	5/4/2003	Hà Nội- Amsterdam	10.5
162	T024	NGÔ LÊ BÁCH	18/4/2003	Hà Nội- Amsterdam	10.5
163	T004	ĐÀM VIỆT ANH	12/11/2002	Bắc Thăng Long	10.5
164	T178	NGUYỄN BÁ HOÀNG ANH	20/08/2004	Nguyễn Huệ	10.5
165	T290	NGUYỄN HẢI HÀ	16/04/2002	Sơn Tây	10.5
166	T221	NGUYỄN NGỌC LINH	11/4/2002	Thanh Oai A	10.5
167	T294	NGUYỄN PHẠM TRUNG HIẾU	17/10/2002	Tùng Thiện	10.5
168	T295	TRẦN NHO HIẾU	03/07/2002	Ngọc Tảo	10.5
169	T274	NGUYỄN THỊ VÂN	26/03/2002	Hoài Đức B	10.5
170	T237	ĐỖ THỊ YẾN NHI	23/12/2002	Chúc Động	10.5
171	T310	NGUYỄN THỊ HUYỀN MY	14/04/2002	Sơn Tây	10.5
172	T093	ĐỖ PHÚC LÂM	13/11/2003	Chu Văn An	10.5
173	T261	ĐẶNG KIỀU TRANG	22/8/2002	Mỹ Đức C	10.25
174	T167	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	29/11/2002	Chu Văn An	10
175	T139	HOÀNG MINH QUANG	14/9/2002	Trần Phú - HK	10
176	T048	NGUYỄN ĐĂNG DUY	17/11/2003	Chu Văn An	10
177	T052	NGUYỄN HOÀNG GIANG	15/05/2002	Trần Phú - HK	10
178	T054	LÊ NGỌC HÀ	26/7/2002	Đông Anh	10
179	T151	VŨ CÔNG THỊNH	18/01/2002	Hoàng Văn Thụ	10
180	T170	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	04/01/2002	Nhân Chính	10
181	T181	ĐOÀN THỊ NGỌC ÁNH	01/07/2002	Đại Cường	10
182	T182	ĐỖ VĂN BÌNH	04/03/2003	Nguyễn Huệ	10
183	T270	NGUYỄN NGỌC ANH TÚ	26/11/2002	Ứng Hòa A	10
184	T207	NGUYỄN HỮU HUY HOÀNG	01/01/2002	Chương Mỹ A	10
185	T293	TRẦN MINH HẠNH	12/02/2003	Ngọc Tảo	10
186	T239	LƯU HẢI PHONG	20/06/2002	Nguyễn Huệ	10
187	T309	LÊ THỊ TRÀ MY	07/03/2002	Hồng Thái	10
188	T165	HOÀNG ANH TUẤN	15/11/2002	Ngọc Hồi	9.75
189	T092	VŨ ĐỨC KIÊN	20/10/2002	Yên Hòa	9.5
190	T047	NÔNG NGUYỄN DƯƠNG	14/08/2002	Nguyễn Gia Thiều	9.5
191	T098	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	17/09/2002	Xuân Giang	9.5
192	T008	HỒ VIỆT ANH	13/02/2002	Trung Giã	9.5

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
193	T145	PHAN THANH SƠN	17/4/2002	Yên Lãng	9.5
194	T303	VƯƠNG TUẤN KIỆT	18/3/2002	Thạch Thất	9.5
195	T240	TRẦN QUANG PHÚC	18/10/2002	Mỹ Đức A	9.5
196	T313	NGUYỄN HỮU HOÀNG NAM	30/06/2002	Đan Phượng	9.5
197	T109	DƯƠNG HỒNG MINH	4/4/2002	Hà Nội- Amsterdam	9.5
198	T126	NGUYỄN KHẮC NGHĨA	13/11/2002	Mê Linh	9.5
199	T166	LƯƠNG QUANG TUẤN	20/2/2003	Hà Nội- Amsterdam	9
200	T168	NGUYỄN MINH TUẤN	25/9/2002	Đông Anh	9
201	T141	PHÍ ĐỨC QUANG	17/10/2002	Cầu Giấy	9
202	T115	PHẠM VĂN MINH	11/03/2002	Nguyễn Gia Thiều	9
203	T086	LÊ VƯƠNG KHÁNH	14/6/2002	Nhân Chính	9
204	T046	NGUYỄN LONG DƯƠNG	26/01/2002	Chu Văn An	9
205	T021	TRẦN DUY ANH	11/11/2002	Trần Nhân Tông	9
206	T002	ĐẶNG PHÚC THIỆN AN	01/10/2002	Phạm Hồng Thái	9
207	T003	NGUYỄN DUY AN	15/05/2002	Yên Viên	9
208	T005	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	23/09/2002	Đa Phúc	9
209	T169	HOÀNG SƠN TÙNG	29/4/2002	Trí Đức	9
210	T219	ĐÀM THỊ MỸ LINH	09/01/2002	Lý Tử Tấn	9
211	T190	PHAN ÍCH ĐẠT	04/12/2002	Nguyễn Huệ	9
212	T278	NGUYỄN HẠNH XUÂN	16/3/2002	Nguyễn Trãi-T.Tín	9
213	T252	NGUYỄN HÀ THANH	11/12/2002	Lê Quý Đôn - HĐ	9
214	T051	NGUYỄN MINH DUY	30/12/2002	Nguyễn Văn Cừ	8.75
215	T146	TRẦN VĂN XUÂN SƠN	13/11/2002	Phạm Hồng Thái	8.75
216	T189	NGÔ XUÂN ĐẠT	28/11/2002	Hoài Đức B	8.75
217	T227	NGUYỄN NHẬT MINH	06/03/2002	Quang Trung-HĐ	8.75
218	T043	NGUYỄN TIẾN DŨNG	07/12/2002	Thạch Bàn	8.5
219	T096	NGUYỄN MAI LINH	11/6/2003	Hà Nội- Amsterdam	8.5
220	T057	LƯU THU HẰNG	14/05/2002	Ngô Thì Nhậm	8.5
221	T059	DƯƠNG ĐỨC HIỆP	20/08/2002	Lương Thế Vinh	8.5
222	T065	NGUYỄN BÁ HOÀNG	01/06/2002	Nguyễn Trãi-BĐ	8.5
223	T136	VƯƠNG THU PHƯƠNG	08/12/2002	Minh Phú	8.5
224	T180	PHẠM ĐỨC ANH	10/04/2003	Nguyễn Huệ	8.5
225	T277	TỐNG VĂN VINH	20/5/2002	Cao Bá Quát-Q.O	8.5
226	T158	NGUYỄN HUYỀN TRANG	04/02/2002	Nguyễn Tất Thành	8
227	T103	VŨ THÀNH LONG	04/02/2002	Trung Văn	8
228	T113	NGUYỄN KHANG MINH	6/5/2002	Trung Văn	8
229	T066	NGUYỄN MINH ĐỨC HOÀNG	13/11/2002	Nguyễn Siêu	8
230	T083	TẠ DOÃN KHẢI	12/2/2002	Việt Đức	8
231	T200	LƯƠNG THỊ HẠNH	25/12/2002	Phú Xuyên B	8

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
232	T245	PHẠM NGỌC SƠN	05/10/2002	Lưu Hoàng	8
233	T238	KIỀU THỊ MAI NHI	12/4/2002	Ứng Hòa B	8
234	T231	NGUYỄN MINH NGỌC	10/8/2002	Tân Dân	8
235	T232	NGUYỄN THỊ NGỌC	5/10/2002	Xuân Mai	8
236	T312	NGUYỄN HOÀI NAM	04/11/2002	Ba Vì	8
237	T131	LÊ HOÀNG BẢO NHI	25/11/2002	Kim Liên	7.75
238	T143	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	01/03/2002	Đoàn Kết - HBT	7.5
239	T056	ĐOÀN MỸ HẰNG	18/01/2003	Chu Văn An	7.5
240	T105	NGUYỄN THANH THỦY LY	05/10/2002	Việt Nam - Ba Lan	7.5
241	T197	NGUYỄN HAI GIÁP	24/03/2002	Minh Khai	7.5
242	T260	TẠ HƯƠNG TRÀ	23/6/2002	Thường Tín	7.5
243	T288	NGUYỄN QUANG HÀ GIANG	9/9/2002	Phúc Thọ	7.5
244	T212	ĐÀM THỊ HUYỀN	28/9/2002	Lý Tử Tấn	7.5
245	T235	NGUYỄN VĂN NHÂM	24/02/2002	Tô Hiệu - T.Tín	7.5
246	T236	ĐÀO THỊ YẾN NHI	13/10/2002	Lưu Hoàng	7.5
247	T254	PHẠM TRỌNG THỊNH	4/4/2002	Nguyễn Trãi-T.Tín	7.5
248	T050	NGUYỄN MINH DUY	2/6/2003	Hà Nội- Amsterdam	7.25
249	T328	KIỀU QUANG TUẤN	23/11/2002	Hai Bà Trưng - TT	7.25
250	T155	TRỊNH ĐÌNH TOÀN	18/08/2002	Ngô Thì Nhậm	7
251	T027	ĐOÀN MINH CHÂU	24/09/2003	Chu Văn An	7
252	T076	LÊ ĐỨC HUY	19/8/2003	Thăng Long	7
253	T287	KIỀU THỊ GIANG	01/07/2002	Hai Bà Trưng - TT	7
254	T241	NGUYỄN KIM QUÂN	16/02/2002	Chúc Động	7
255	T279	HOÀNG THỊ YẾN	5/3/2002	Chương Mỹ B	7
256	T311	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	29/01/2002	Ba Vì	7
257	T316	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	23/9/2002	Phúc Thọ	6.75
258	T154	NGUYỄN HUY TOÀN	08/12/2002	Nguyễn Trãi-BĐ	6.5
259	T162	TRẦN ĐĂNG TRUNG	20/4/2002	Lê Quý Đôn-ĐĐ	6.5
260	T030	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	29/5/2002	Liên Hà	6.5
261	T013	NGUYỄN HỮU TUẤN ANH	22/03/2002	Chu Văn An	6.5
262	T064	CÙ MINH HOÀNG	24/9/2002	Trung Giã	6.5
263	T082	ĐỖ QUANG KHẢI	12/01/2002	Trần Phú - HK	6.5
264	T267	NGUYỄN VIẾT TRUNG	25/02/2002	Quang Trung-HĐ	6.5
265	T318	ĐỖ HÙNG SƠN	11/01/2002	Xuân Khanh	6.5
266	T110	HOÀNG ĐỨC MINH	03/04/2002	Phúc Lợi	6.5
267	T125	HOÀNG MINH NGHĨA	27/2/2002	Trương Định	6.5
268	T160	ĐỖ LÊ TRUNG	02//2002	Kim Anh	6
269	T144	PHẠM CÔNG SƠN	29/07/2002	Vinschool	6
270	T038	NGUYỄN QUANG ĐỨC	7/9/2002	Trần Nhân Tông	6

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
271	T178B	DƯƠNG THU HƯƠNG	23/12/2002	Dương Xá	6
272	T299	ĐÀM THỊ HUYỀN	28/04/2002	Hữu Nghị 80	6
273	T304	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	22/09/2002	Hồng Thái	6
274	T121	NGUYỄN THÀNH NAM	10/12/2002	Trần Hưng Đạo - TX	6
275	T253	PHÍ THỊ THANH	20/08/2002	Vạn Xuân - H.Đức	6
276	T142	ĐẶNG VĂN QUỐC	29/10/2002	Trương Định	5.75
277	T101	LÊ ĐỨC LONG	28/02/2002	Xuân Đỉnh	5.5
278	T104	NGUYỄN THÀNH LUÂN	10/11/2002	Thượng Cát	5.5
279	T263	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	13/10/2002	Xuân Mai	5.5
280	T249	NGUYỄN XUÂN THẮNG	20/8/2002	Vân Tảo	5.5
281	T305	TRẦN THỊ LINH	14/02/2002	Hữu Nghị T78	5.5
282	T269	KIỀU ĐỨC TRƯỜNG	03/05/2002	Quốc oai	5.25
283	T117	CHU THẾ NAM	19/02/2002	Việt Nam - Ba Lan	5
284	T120	NGUYỄN HOÀI NAM	16/03/2002	Chu Văn An	5
285	T085	HOÀNG NHẬT KHÁNH	08/7/2002	Việt Đức	5
286	T063	NGUYỄN VIỆT HÒA	04/11/2002	Phan Đình Phùng	4.5
287	T203	NGUYỄN PHÚ HIẾU	20/4/2002	Chương Mỹ B	4.5
288	T090	TRỊNH NGỌC KHÔI	28/6/2002	Tây Hồ	4
289	T210	PHAN THỊ THU HƯỜNG	8/1/2002	Tân Dân	4
290	T244	TẠ HƯƠNG QUỲNH	6/2/2002	Xuân Mai	4
291	T247	BÙI CAO THẮNG	29/05/2002	Vạn Xuân - H.Đức	4
292	T289	BÙI NGÂN HÀ	29/5/2002	Tân Lập	4
293	T157	ĐÀM THỊ KIỀU TRANG	21/05/2002	Tiến Thịnh	3.5
294	T091	PHẠM TRÍ KIÊN	12/2/2002	Phan Huy Chú - ĐĐ	3.5
295	T035	VŨ HOA ĐẠT	27/12/2002	Tây Hồ	3.5
296	T022	TRẦN QUỐC ANH	9/12/2002	Phan Huy Chú - ĐĐ	3.5
297	T173	LÃ TUẤN VIỆT	19/05/2002	Đông Mỹ	3.5
298	T301	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	37/06/2002	Vân Cốc	3.5
299	T291	NGUYỄN THU HẰNG	22/8/2002	Tân Lập	3.5
300	T283	TRẦN VĂN CHƯƠNG	16/07/2002	FPT	3.5
301	T122	TRẦN MINH NAM	28/12/2002	Đông Mỹ	3.5
302	T129	NGUYỄN PHÚC NHÂM	20/06/2002	Lương Thế Vinh	3.5
303	T015	NGUYỄN NAM ANH	9/5/2002	Lê Quý Đôn-ĐĐ	3
304	T012	NGUYỄN DUY ANH	08/02/2002	Trần Hưng Đạo - TX	3
305	T061	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/3/2002	Kim Anh	3
306	T194	NGUYỄN TUẤN ĐỨC	17/12/2002	Chương Mỹ B	2.75
307	T195	NGUYỄN ANH DŨNG	27/1/2002	Trần Hưng Đạo-HĐ	2.75
308	T159	NGUYỄN THỊ THU TRANG	15/07/2002	Thạch Bàn	2.5
309	T014	NGUYỄN MINH ANH	28/12/2002	Đoàn Kết - HBT	2.5

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG THPT	ĐIỂM
310	T041	HỒ NGỌC DŨNG	07/11/2002	Tiến Thịnh	2.5
311	T060	ĐẶNG MINH HIẾU	24/05/2002	Phúc Lợi	2.5
312	T324	CHU THỊ MINH THU	15/01/2002	Hữu Nghị T78	2.5
313	T276	LƯU QUANG VINH	29/12/2001	Bình Minh	2.5
314	T201	BÙI ĐỨC HIỂN	29/01/2002	Lê Lợi	2.5
315	T037	NGÔ TRUNG ĐỨC	22/10/2002	Lý Thường Kiệt	2.25
316	T095	LÊ DIỆU LINH	24/9/2002	Lý Thường Kiệt	2
317	T156	LÊ KIỀU TRÂM	16/10/2002	Marie Curie	1.5
318	T071	NGUYỄN VĂN HƯNG	4/2/2002	Tiền Phong	1.5
319	T029	NGUYỄN VIẾT CHIẾN	27/6/2002	Tiền Phong	1.5
320	T185	NGUYỄN THỊ CHI	10/11/2002	Hợp Thanh	1.5
321	T072	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	25/09/2002	Tiến Thịnh	1
322	T023	ĐOÀN XUÂN BÁCH	20/11/2002	Chu Văn An	1
323	T039	NGUYỄN VĂN ĐỨC	01/03/2002	Quang Minh	1
324	T106	NGUYỄN MẠNH TIẾN	07/04/2002	Marie Curie	1
325	T134	NGUYỄN VĂN PHONG	11/10/2002	Quang Minh	1
326	T218	NGUYỄN TRUNG KIÊN	23/09/2002	Lê Lợi	1
327	T188	PHẠM HẢI ĐĂNG	02/07/2002	Hợp Thanh	1
328	T329	HÀ ANH VIỆN	01/04/2002	Hữu Nghị 80	0

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2019

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thúy Bạch